

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Hà nội, ngày tháng năm 2026

Hợp đồng số:-ĐT/VTPost-...../TV 2026

Gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập, thuộc dự án: Đầu tư hệ thống chia chọn mở rộng tại Trung tâm khai thác 3;

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-VTPost-ĐTXD ngày tháng năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập, thuộc dự án: Đầu tư hệ thống chia chọn mở rộng tại Trung tâm khai thác 3 và thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng ngàytháng.....năm 2026 của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày tháng năm 2026;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày tháng năm 2026;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL (VTPOST)**

Địa chỉ: Số 02, ngõ 15 Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.62660306

Fax : 069.522490

Mã số thuế : 0104093672

Tài khoản : 0021100217004 Sở giao dịch ngân hàng TMCP Quân đội, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

Đại diện là Ông: **Phùng Văn Cường**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu :

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax :

Tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện là ông:

Chức vụ :

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm:
 - Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu;
 - Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu;
 - Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư cử cán bộ chuyên môn cùng tham gia với Nhà thầu để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:

Giá trị trước thuế: VND

Thuế GTGT(10%): VND

Tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT): VND

(Bằng chữ: đồng chẵn./.)

(Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà nước có sự thay đổi về thuế suất thuế GTGT tại thời điểm xuất hóa đơn, các bên thống nhất sẽ điều chỉnh thuế suất thuế GTGT theo quy định của pháp luật)

2. Thời hạn thanh toán:

Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu phát hành Báo cáo Kiểm toán chính thức, Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và Chủ đầu tư nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán gồm:

- + Giấy đề nghị chuyển tiền của Nhà thầu;
- + Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán;
- + Báo cáo kiểm toán chính thức;
- + Hóa đơn tài chính (100% giá trị khối lượng hoàn thành);
- + Biên bản nghiệm thu, quyết toán và thanh lý hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản Việt Nam đồng.

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày

Chi tiết về thời gian thực hiện và địa điểm thực hiện dịch vụ được quy định tại Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

3. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các Bên. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký.

Hợp đồng được lập thành năm (05) bộ, chủ đầu tư giữ ba (03) bộ, nhà thầu giữ (02) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU
CHÍNH VIETTEL

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC A: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

(Đính kèm Hợp đồng số-ĐT/VTPost-..../TV 2026)

Giới thiệu:

1. Giới thiệu về dự án.

- Tên dự án: Đầu tư hệ thống chia chọn mở rộng tại Trung tâm khai thác 3
- Tổng mức đầu tư: **418.867.447.000** đồng.
- Tên chủ đầu tư: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel.
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu (50%), vốn vay (50%).
- Thời gian thực hiện dự án: Từ Quý I/2024 đến Quý II/2025.
- Địa điểm thực hiện dự án: Kho Z11, Số 2 Bis, Khu Z11, Quốc lộ 1A, Khu phố 2, Phường Trung Mỹ Tây, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Phạm vi đầu tư:
 - ❖ Về mặt thiết bị:
 - Đầu tư 01 hệ thống phân loại hàng hóa dạng băng tải.
 - Đầu tư 01 hệ thống phân loại hàng hóa AGV.
 - Về mặt xây dựng: Cải tạo khoảng 17.000m² nhà xưởng, xây dựng văn phòng khoảng 300m² làm việc và các hạ tầng khác...

1. Giới thiệu về gói thầu.

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập.
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu (50%), vốn vay (50%).
- Hình thức: Đấu thầu rộng rãi trong nước, không sơ tuyển, áp dụng đấu thầu qua mạng
- Phương thức: 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ
- Thời gian bắt đầu LCNT: 75 ngày.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn nhà thầu tư vấn kiểm toán độc lập có năng lực và kinh nghiệm cao nhằm cung cấp dịch vụ tư vấn kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để thực hiện việc rà soát, đánh giá và đưa ra các ý kiến nhận xét độc lập, khách quan về mức độ phù hợp của Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, mức độ trung thực, hợp lý của số liệu quyết toán vốn đầu tư cũng như việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư công trình theo quy định của pháp luật hiện hành về xây dựng trong quá trình quản lý thực hiện đầu tư xây dựng dự án, là cơ sở để trình cấp trên phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành về công tác lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán của Nhà nước và Tổng Công ty.

II. Phạm vi công việc:

1/ Nội dung công việc nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn.

Nhà thầu kiểm toán thực hiện kiểm toán theo như quy định tại Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 1000 kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT_BTC và Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công hoàn thành, bao gồm:

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý;
- Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án;
- Kiểm tra chi phí đầu tư;
- Kiểm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản;
- Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư;
- Kiểm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng;
- Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra thực hiện thanh tra, kiểm tra, điều tra dự án;
- Nhận xét, đánh giá, kiến nghị, giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan.

a. Kiểm tra hồ sơ pháp lý:

Nhà thầu kiểm toán phải thực hiện kiểm tra nội dung, đối chiếu danh mục, trình tự thực hiện các văn bản pháp lý của dự án so với các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đưa ra các ý kiến về:

- Việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;
- Việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà thầu;
- Sự phù hợp của việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu so với các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền.

b. Kiểm tra nguồn vốn đầu tư của dự án

Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về tổng số và chi tiết nguồn vốn đầu tư đã thực hiện so với tổng mức đầu tư được duyệt theo từng nguồn vốn.

- Phân tích, so sánh cơ cấu vốn đầu tư thực hiện với cơ cấu vốn được xác định trong tổng mức vốn đầu tư được duyệt.
- Đối chiếu số liệu vốn thanh toán hằng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán.
- Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép so với chế độ và thẩm quyền quy định.

Nhận xét, đánh giá việc chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.

c. Kiểm tra chi phí đầu tư:

Nhà thầu phải thực hiện kiểm tra và đưa ra ý kiến về:

- Tổng số chi phí đầu tư thực hiện (bao gồm cả Vật tư Chủ đầu tư mua sắm cấp phát cho các đối tác thực hiện thi công, thu hồi vật tư sau khi thi công - Vật tư A cấp);
- Chi tiết chi phí đầu tư thực hiện theo từng loại phù hợp với quy định và hướng dẫn về phân loại chi phí theo quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trong từng thời gian phù hợp.

Nguyên tắc:

- Chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán phải trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, phù hợp với hợp đồng đã ký kết và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với chi phí đầu tư thực hiện đề nghị quyết toán ngoài phạm vi dự án, thiết kế, dự toán, tổng mức đầu tư được duyệt thì phải ghi rõ, như nội dung, nguyên nhân, tổng giá trị phát sinh trong báo cáo kiểm toán.
- Giá trị quyết toán các hợp đồng phải được xác định phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng và các điều khoản cụ thể của hợp đồng, phù hợp với hồ sơ quản lý chất lượng của hợp đồng hoặc hạng mục công trình đó.
- Trường hợp có sự nghi ngờ về tính xác thực của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, kiểm toán viên có thể thực hiện kiểm tra hiện trường, đo đạc, chụp ảnh hiện trạng... nhằm cung cấp bổ sung các bằng chứng về tính hiện hữu của dự án và/hoặc tính chính xác của thông tin thể hiện trên hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

d. Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Kiểm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư theo nhóm, loại tài sản (tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn) theo chi phí thực tế, bao gồm các nội dung: Danh mục tài sản, số lượng, nguyên giá (đơn giá), tổng nguyên giá (tổng giá trị) (theo hướng dẫn tại đoạn A19 - A20 Chuẩn mực 1000).

Ngoài ra, Trường hợp tài sản được bàn giao cho nhiều đơn vị trong nội bộ Viettel sử dụng phải xác định đầy đủ danh mục và giá trị của tài sản bàn giao cho từng đơn vị - mã tài sản hình thành được ghi trên sổ kế toán và kết quả đối chiếu với số liệu tài sản đã được ghi nhận trên sổ kế toán.

e. Kiểm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Kiểm tra, xác định nợ phải thu, nợ phải trả đối với từng tổ chức, cá nhân có liên quan trên cơ sở tổng số tiền phải thanh toán, đã thanh toán và còn phải thanh toán cho từng tổ chức, cá nhân theo từng hợp đồng, hạng mục, khoản mục chi phí (theo hướng dẫn tại đoạn A21 Chuẩn mực 1000).
- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng sau đầu tư căn cứ vào sổ thực tế mua sắm, tiếp nhận và sử dụng vật tư, thiết bị của dự án;
- Kiểm tra, xác định số lượng, giá trị còn lại của tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trên cơ sở số lượng, giá trị và thời gian đã sử dụng tài sản hoặc trên cơ sở biên bản kiểm kê, đánh giá tài sản dành cho hoạt động quản lý dự án.

2/ Quy trình kiểm toán:

- Nhà thầu tiến hành khảo sát và lập kế hoạch kiểm toán tổng thể, chương trình

kiểm toán theo quy định tại đoạn 16 đến 25 chuẩn mực 1000 trong vòng tối đa 7 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng kiểm toán.

- Nhà thầu sẽ triển khai công việc kiểm toán thành nhiều đợt. Tuy nhiên, tổng thời gian thực hiện công tác kiểm toán không vượt 180 ngày. Trước mỗi đợt kiểm toán, Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 7 ngày để chuẩn bị kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Kết thúc từng đợt kiểm toán, nhà thầu tổ chức họp với Viettel và các nhà thầu để đơn vị bảo vệ khối lượng, giá trị quyết toán. Việc họp này sẽ được lập thành biên bản và gửi Bên mời thầu lưu 1 bộ làm hồ sơ thẩm tra quyết toán.
- Sau khi hoàn thành kiểm toán tổng thể dự án, nhà thầu phải tổng hợp, thực hiện các thủ tục phân tích, soát xét tổng thể kết quả cuộc kiểm toán theo quy định tại chuẩn mực kiểm toán số 1000 và lập báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại điều khoản tham chiếu này và các quy định từ đoạn 50 đến đoạn 61 chuẩn mực kiểm toán số 1000.
- Trong quá trình thực hiện kiểm toán, nhà thầu phải thực hiện trao đổi bằng văn bản một cách kịp thời (dưới hình thức thư đề nghị, thư quản lý) với những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ được phát hiện trong quá trình kiểm toán. Kiểm toán viên và Nhà thầu phải vận dụng phù hợp các quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 265 - Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Bộ phận được giao thẩm định báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tại Viettel trong việc trao đổi về những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ.
- Sau ngày lập báo cáo kiểm toán, Nhà thầu không bắt buộc phải thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đó. Tuy nhiên, nếu sau ngày lập báo cáo kiểm toán đến trước ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và trong thời hạn thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định của Nhà nước, Nhà thầu biết được sự việc mà nếu sự việc đó được biết đến tại ngày lập báo cáo kiểm toán thì có thể làm cho kiểm toán viên phải sửa đổi báo cáo kiểm toán, thì kiểm toán viên phải:
 - (a) Thảo luận vấn đề này với Bộ phận được giao thẩm định báo cáo quyết toán dự án hoàn thành tại Viettelpost;
 - (b) Quyết định xem có cần sửa đổi báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hay không;
 - (c) Phòng văn xem Viettelpost dự định xử lý vấn đề này trên báo cáo quyết toán dự án hoàn thành như thế nào, trong trường hợp cần sửa đổi báo cáo quyết toán dự án hoàn thành;
 - (d) Quyết định xem có cần sửa đổi báo cáo kiểm toán hay không.
- Trường hợp, Viettelpost sửa đổi báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Nhà thầu phải:
 - (a) Thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết phù hợp với việc sửa đổi;
 - (b) Phát hành báo cáo kiểm toán mới về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sửa đổi và thông báo đến Bộ phận được giao thẩm định báo cáo quyết toán về việc sửa đổi này;

(c) Mở rộng các thủ tục kiểm toán trên cơ sở vận dụng phù hợp các quy định tại đoạn 06 và 07 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 560 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo kiểm toán mới và đề ngày lập báo cáo kiểm toán mới không được trước ngày lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sửa đổi.

(d) Việc sửa đổi báo cáo kiểm toán chỉ được thực hiện trong thời gian từ sau ngày lập báo cáo kiểm toán đến trước ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Trong vòng tối đa 7 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng kiểm toán.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo kiểm toán được lập thành 6 bản, trong đó Viettelpost giữ 04 bản và lưu tại đơn vị kiểm toán 02 bản.
- Thư quản lý (nếu có) được lập thành 4 bản, trong đó Viettelpost giữ 2 bản và lưu tại đơn vị Kiểm toán 02 bản.
- Biên bản làm việc với Ban Quản lý dự án sau khi hoàn thành kiểm toán từng giai đoạn và các thư đề nghị phát sinh trong quá trình thực hiện kiểm toán (nếu phát hiện những sai sót những khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ)
- Nhà thầu sẽ triển khai công việc kiểm toán thành nhiều đợt. Tuy nhiên, tổng thời gian thực hiện công tác kiểm toán không vượt 150 ngày. Trước mỗi đợt kiểm toán, Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 7 ngày để chuẩn bị kế hoạch kiểm toán chi tiết.
- Địa điểm thực hiện công việc: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel - Số 2, Ngõ 15, Phố Duy Tân, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Theo tiêu chuẩn về nhân sự thực hiện gói thầu trong bảng dữ liệu nêu tại Chương III

V. Trách nhiệm của bên mời thầu:

Bên mời thầu cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của bên mời thầu và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

PHỤ LỤC B : NHÂN SỰ CỦA NHÀ THÀU
(Đính kèm Hợp đồng số- ĐT/VTPost-..../TV 2026)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			

PHỤ LỤC C: TRÁCH NHIỆM BÁO CÁO CỦA NHÀ THẦU

(Đính kèm Hợp đồng số- ĐT/VTPost-..../TV 2026)

Giai đoạn	Nội dung	Khối lượng hoàn thành thanh toán
Giai đoạn 1. Rà soát bàn giao hồ sơ Quyết toán dự án.	Sau khi ký kết hợp đồng nhà thầu tiến hành khảo sát và lập kế hoạch kiểm toán tổng thể, có công văn gửi chủ đầu tư ngày bắt đầu kiểm toán. Chủ đầu tư sẽ chuẩn bị hồ sơ quyết toán dự án và giao Nhà thầu theo mẫu biểu 02/QTDA trong Báo cáo quyết định dự án hoàn thành, Hai bên tiến hành rà soát hồ sơ bàn giao. Lập biên bản bàn giao hồ sơ kiểm toán dự án, trong đó nêu rõ các hồ sơ còn thiếu phải bổ sung, dự kiến ngày bổ sung và tồn tại từng hồ sơ (nếu có). Biên bản bàn giao hồ sơ được lập và ký 3 bên: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel và Đại diện đơn vị thẩm tra. <i>Hồ sơ bao gồm:</i> - Thông báo kế hoạch kiểm toán của Nhà thầu - Biên bản bàn giao hồ sơ quyết toán dự án đầy đủ nội dung nêu trên.	Chưa thanh toán
Giai đoạn 2. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành công việc kiểm toán (Phát hành dự thảo báo cáo kiểm toán chính thức)	Sau khi giao nhận hồ sơ kiểm toán Nhà thầu tiến hành thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành theo đúng Luật Kiểm toán và quy định Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quyết toán dự án hoàn thành. Kết thúc đợt kiểm toán, Nhà thầu tổ chức họp với Chủ đầu tư và các nhà thầu để đơn vị bảo vệ khối lượng, giải trình các ý kiến liên quan đến số liệu và ý kiến kiểm toán. Sau khi các bên liên quan thống nhất nội dung tồn tại, Nhà thầu tiến hành lập dự thảo báo cáo kiểm toán/hoặc biên bản kiểm toán/ hoặc thông báo kết quả kiểm toán đầy đủ các nội dung theo quy định bao gồm các ý kiến về: 1. Hồ sơ pháp lý. 2. Nguồn vốn đầu tư của dự án. 3. Chi phí đầu tư.	Chưa thanh toán

Giai đoạn	Nội dung	Khối lượng hoàn thành thanh toán
	4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản. 5. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư (chi tiết theo danh mục, số lượng, quy mô, công suất, nguyên giá từng tài sản). 6. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng. 7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác (nếu có). 8. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan (nếu có). Sau khi Nhà thầu có dự thảo báo cáo kiểm toán/hoặc biên bản kiểm toán/hoặc thông báo kết quả kiểm toán, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc thực hiện. <i>Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng công việc hoàn thành giai đoạn</i> sẽ được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Hồ sơ làm căn cứ nghiệm thu bao gồm: - Thông báo kế hoạch kiểm toán; - Biên bản bàn giao hồ sơ kiểm toán; - Dự thảo báo cáo kiểm toán/hoặc biên bản kiểm toán/hoặc thông báo kết quả kiểm toán của toàn bộ dự án. Thời gian hoàn thành Giai đoạn 1 và 2 là ngày	
Giai đoạn 3. Nghiệm thu Báo cáo kiểm toán	Sau khi Nhà thầu phát hành dự thảo Báo cáo kiểm toán chính thức, Chủ đầu tư sẽ tổ chức thực hiện giải trình, bổ sung các hồ sơ theo các kiến nghị của kiểm toán tại dự thảo báo cáo kiểm toán của Nhà thầu, sau khi Chủ đầu tư cung đầy đủ các hồ sơ, giải trình toàn bộ các nội dung tồn tại nêu trong báo cáo kiểm toán, hai bên thống nhất phát hành báo cáo kiểm toán chính thức, Báo cáo kiểm toán lập phải đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, chuẩn mực kiểm toán số 1000 về kiểm toán quyết toán dự án và quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021.	Chưa thanh toán

Giai đoạn	Nội dung	Khối lượng hoàn thành thanh toán
	Hai bên tiến hành nghiệm thu báo cáo kiểm toán. Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành giai đoạn 3 theo Hợp đồng sẽ được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Hồ sơ nghiệm thu báo cáo kiểm toán bao gồm: - Báo cáo kiểm toán của Nhà thầu (04 bản chính thức) dự án; - Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán giữa Chủ đầu tư và Đơn vị kiểm toán; - Thư Quản lý (nếu có) Thời gian hoàn thành Giai đoạn này là ngày	
Giai đoạn 4. Giai đoạn quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	Sau khi hoàn thành báo cáo kiểm toán Chủ đầu tư tổ chức thẩm tra trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, trong quá trình thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán dự án, nếu chủ đầu tư phát hiện các tồn tại, sai sót trong báo cáo kiểm toán, chủ đầu tư sẽ yêu cầu kiểm toán điều chỉnh lại Báo cáo kiểm toán, hoặc kiểm toán bổ sung. Trong quá trình thẩm tra nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với chủ đầu tư giải trình, giải thích số liệu đã được kiểm toán, làm rõ các ý kiến kiểm toán trong Báo cáo kiểm toán hoặc thư quản lý (nếu có). Khi dự án hoàn thành được phê duyệt quyết toán, hai bên sẽ ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành, quyết toán và thanh lý hợp đồng. Hồ sơ nghiệm thu quyết toán và thanh lý bao gồm: - Báo cáo kiểm toán - Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của dự án; - Các thư giải trình, giải thích, làm rõ ý kiến kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra. Thời gian hoàn thành Giai đoạn này là ngày.	Thanh toán 100% giá trị quyết toán hợp đồng

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn; 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày; 1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT; 1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT; 1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV; 1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

	c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên

	quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn. 4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
5. Bảo quyền	5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư. 5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên. 5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào. 5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu

	cung cấp cho chủ đầu tư.
6. Bảo hiểm	6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật. 6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ

	đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép. 13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	15.1. Quyền của nhà thầu: a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. 15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu: a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;

	b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
16. Nhà thầu phụ	16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; 16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT. 16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà

	thầu phụ 16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT .
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc 18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc). b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được. c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu. d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. 19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những

	chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.
20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư	Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT .
21. Trường hợp bất khả kháng	21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra. 21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ: (a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

		(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này. 21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có) a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu: - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.
22. Giải quyết tranh chấp	Giải tranh chấp	22.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.
23. Thông báo	Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT. 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Tại Hà Nội
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</i>
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không yêu cầu
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không yêu cầu
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: “không áp dụng”]
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu phát hành Báo cáo Kiểm toán chính thức, Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và Chủ đầu tư nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán gồm: + Giấy đề nghị chuyển tiền của Nhà thầu; + Biên bản bàn giao báo cáo kiểm toán; + Báo cáo kiểm toán chính thức; + Hóa đơn tài chính (100% giá trị khối lượng hoàn thành); Biên bản nghiệm thu, quyết toán và thanh lý hợp đồng.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>không áp dụng</i> .
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 07 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Bổ sung nghĩa vụ của Nhà thầu: - Cùng với Chủ đầu tư giải trình, bảo vệ số liệu quyết toán dự án đã

	được kiểm toán với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và các cơ quan khác có liên quan theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Nhà thầu và các nhân sự của Nhà thầu chịu trách nhiệm về việc thực hiện Dịch vụ với tiêu chuẩn cao nhất về năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và tính trung thực. Nhà thầu cam kết đảm bảo và chịu trách nhiệm về năng lực và điều kiện hành nghề của tất cả các nhân sự, kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề của Nhà thầu tham gia vào quá trình kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của Chủ đầu tư. - Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra hiện trường để đảm bảo tính hiện hữu của Tài sản hình thành và chi phí thực hiện xây dựng (nếu cần thiết).
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không có.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng a) Nhà thầu bị phạt theo mức 0,1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: a. Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng; b. Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện công việc; c. Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự đồng ý của Chủ đầu tư; d. Không đáp ứng công việc theo quy định tại Hợp đồng này hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của Nhà thầu theo quy định tại Hợp

	đồng này; e. Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư; f. Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____ <i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i>
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Luật áp dụng trong Hợp đồng này là luật Việt Nam. - Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải; - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Án phí và/hoặc các chi phí khác có liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____